

Bản tin thị trường

22.05.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường
Cổ phiếu quan tâm

Tin Doanh Nghiệp

PHR, MWG, VGC

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng
Lịch chia cổ tức
Tổng hợp Quý 1



Thị trường hồi phục 60 điểm trong tuần

Chỉ số Vnindex đã hồi khoảng 60 điểm sau chuỗi giảm liên tục từ đầu tháng 4. Thanh khoản cho đến phiên cuối tuần qua vẫn ở mức thấp, chỉ khoảng 11,500 tỷ trên sàn HOSE. Cổ phiếu nhóm ngân hàng và chứng khoán đóng vai trò quan trọng trong việc kéo chỉ số trong những phiên vừa qua và cho đến những phiên cuối tuần nhóm cổ phiếu nhỏ cùng với những nhóm ngành bất động sản bắt đầu có tín hiệu khởi động trở lại như nhóm DIG, CEO, LDG ... Những thông tin nhạy cảm nhất hầu như đã được công bố cuối tuần qua vì vậy đã phần nào giải tỏa tâm lý nhà đầu tư.

Thị trường vẫn còn chịu nhiều yếu tố bất lợi như tình hình lãi suất đang tăng dần cho thấy yếu tố tiền rẻ không còn nhiều. Dòng tiền vào thị trường đang chững lại và sẽ khó quay lại giai đoạn trên 30 ngàn tỷ như trước. Dù vậy thị trường trong ngắn hạn đã đủ hấp dẫn về mặt định giá và nhiều cổ phiếu đã rơi về vùng giá có thể đầu tư cả ngắn và trung hạn. Các nhịp dao động rung lắc sẽ còn tiếp tục trong tuần tới nhưng xu hướng vẫn hồi phục từ vùng đáy thấp. Các nhịp tăng vẫn là cơ hội để nhà đầu tư cơ cấu lại danh mục và có thể mở trạng thái mua tích lũy ở các nhịp điều chỉnh.

Danh mục cổ phiếu quan tâm: **STB, VPB, BID, OCB, VCI, FTS, CTS, DGC, DGW, MWG, FPT, GMD.**



DGC - Công ty CP hóa chất Đức Giang



Kháng cự: 260 **Hỗ trợ: 175**

Cổ phiếu tăng trưởng trong dài hạn trượt trên đường EMA 200.

Mục tiêu: trở lại đỉnh cũ 260. Trạng thái mua vào có thể mở quanh ngưỡng 180-200.

VCI - Chứng khoán Bản Việt



Kháng cự: 50 **Hỗ trợ: 30**

VCI đã giảm -60% kể từ đỉnh 80. Giá có sự phục hồi tốt sau khi rơi về quanh 30.

Mục tiêu: Giá trở về vùng kháng cự gần 45-50. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ và có thể mua thêm nếu giá VCI rơi về dưới 25-30.

STB - Ngân hàng Sacombank



Kháng cự: 28 **Hỗ trợ: 18**

STB đã điều chỉnh gần -50% từ vùng 36 về 18. Giá có tín hiệu hồi phục khá và dòng tiền đang vào mạnh.

Mục tiêu: Giá về ngưỡng kháng cự đầu tiên 24,25. Mua thêm nếu giá rơi về 18-19 trong ngắn hạn.

Danh mục cổ phiếu giao dịch ngắn hạn:

| Ticker | Close | % so với tuần trước | Hỗ trợ | Kháng Cự | Note |
|--------|-------|---------------------|--------|----------|--|
| DGC | 213.0 | 16.1 | 175 | 260 | Mua quanh 200-205. Mục tiêu 250 |
| STB | 21.6 | 5.6 | 18 | 28 | Mua quanh 18-19. Mục tiêu 25 ngắn hạn |
| VCI | 37.1 | 23.5 | 30 | 50 | Nắm giữ. Mua thêm nếu về 30 |
| FTS | 37.0 | 5.1 | 32 | 47 | Nắm giữ. Mua thêm nếu về 32 |
| DGW | 108.0 | 7.8 | 90 | 125 | Mua quanh 95-100. Mục tiêu 120 |
| GVR | 23.7 | 11.3 | 22 | 30 | Mua quanh 22-23. Mục tiêu 27 ngắn hạn |
| OCB | 20.3 | 17.3 | 17 | 25 | Mua quanh 17-18. Mục tiêu ngắn hạn 23 |
| DIG | 58.9 | 19.8 | 47 | 68 | Mua quanh 50-55. Mục tiêu ngắn hạn 65-70 |
| TNG | 27.3 | 8.3 | 25 | 32 | Mua quanh 25-26. Mục tiêu 32 |
| STK | 54.2 | 12.7 | 47 | 65 | Mua quanh 50-52. Mục tiêu 65 |
| MWG | 134.0 | 7.1 | 120 | 160 | Mua quanh 130. Mục tiêu 160 |

Cao su Phước Hòa (PHR): Nhóm VinaCapital mua thêm 85.000 cổ phiếu



Quý đầu tư cổ phiếu Hưng Thịnh VinaWealth và quỹ đầu tư cân bằng Tuệ Sáng VinaCapital đã mua 85.000 cổ phiếu PHR để nâng sở hữu từ 0,43% lên 0,48% vốn điều lệ

Như vậy, sau giao dịch, nhóm cổ đông liên quan VinaCapital đã sở hữu 9,5 triệu cổ phiếu PHR, tương ứng 7,01% vốn điều lệ.

Xét về hoạt động kinh doanh, trong quý I/2022, PHR ghi nhận doanh thu tăng 30,5% lên 365,5 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 238,3% lên 299,08 tỷ đồng.

Trong kỳ, lợi nhuận gộp giảm 7,3% so với cùng kỳ, tương ứng giảm 4,5 tỷ đồng về 57,1 tỷ đồng; lãi công ty liên doanh, liên kết giảm 27,7%, tương ứng giảm 10,25 tỷ đồng về 26,79 tỷ đồng; chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm 23,1%, tương ứng giảm 5,88 tỷ đồng về 19,54 tỷ đồng; lợi nhuận khác tăng đột biến thêm 280,48 tỷ đồng lên 282,75 tỷ đồng và các hoạt động khác biến động không đáng kể.

Như vậy, trong kỳ mặc dù lợi nhuận gộp giảm nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn tăng chủ yếu do công ty ghi nhận doanh thu khác đột biến.

Trong kỳ công ty ghi nhận thu tiền bồi thường thực hiện dự án KCN là 289,4 tỷ đồng so với cùng kỳ không ghi nhận, đây là tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi bàn giao đất thực hiện dự án KCN VSIP 3.

Viglacera thực hiện 71% kế hoạch lợi nhuận sau 4 tháng

Tổng công ty Viglacera (VGC) công bố lợi nhuận trước thuế hợp nhất lũy kế 4 đạt 1.207 tỷ đồng, thực hiện 71% kế hoạch năm và gấp 2,3 lần cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận công ty mẹ đạt 996 tỷ đồng, thực hiện 83% kế hoạch năm.

Tổng công ty cho biết lĩnh vực kinh doanh bất động sản vẫn tiếp tục được phát huy và đóng góp lớn với lợi nhuận chung. Lĩnh vực vật liệu xây dựng có nhiều khởi sắc, đặc biệt là nhóm kính xây dựng.

Ông Nguyễn Anh Tuấn, Tổng giám đốc nhận định có dấu hiệu tiêu thụ sản phẩm trên thị trường vào các dự án chậm lại, do vậy cần tập trung rà soát các bộ sản phẩm, đẩy mạnh công tác truyền thông và bám sát xu hướng, biến động trên thị trường.

Năm nay, Viglacera đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.700 tỷ đồng và công ty mẹ 1.200 tỷ đồng, lần lượt tăng 10% và 4% so với thực hiện 2021.

Chuỗi An Khang tự tin sẽ có lãi vào cuối năm

MWG đã có 250 nhà thuốc vào cuối tháng 4



Theo báo cáo, chuỗi nhà thuốc An Khang có 250 nhà thuốc vào cuối tháng 4, trong đó có 41 điểm bán mới. Doanh số lũy kế gấp 3,7 lần cùng kỳ. Doanh thu trung bình mỗi nhà thuốc đã hoạt động tròn tháng là 700-800 triệu/tháng đối với mô hình độc lập và 400-500 triệu/tháng đối với mô hình bên cạnh cửa hàng Bách Hóa Xanh.

Biên lợi nhuận gộp của An Khang đang ở mức 20%, song việc dồn tiền đầu tư tăng tốc mở rộng cửa hàng, xây dựng thương hiệu nhà thuốc đã "ngốn" rất nhiều tiền của chuỗi.

Mục tiêu mà MWG đặt ra đến 31/12 là An Khang sẽ có lãi. Dự kiến đến năm 2023, An Khang sẽ có 2.000 cửa hàng và có thể đứng số 1 thị trường về quy mô lẫn doanh thu. Tại thời điểm cuối năm 2021, doanh thu bình quân mỗi cửa hàng An Khang khoảng 340 - 350 triệu đồng. Đến quý I/2022, doanh số trung bình một cửa hàng trong tháng 3 tăng gần gấp đôi khoảng 650 triệu đồng/cửa hàng.

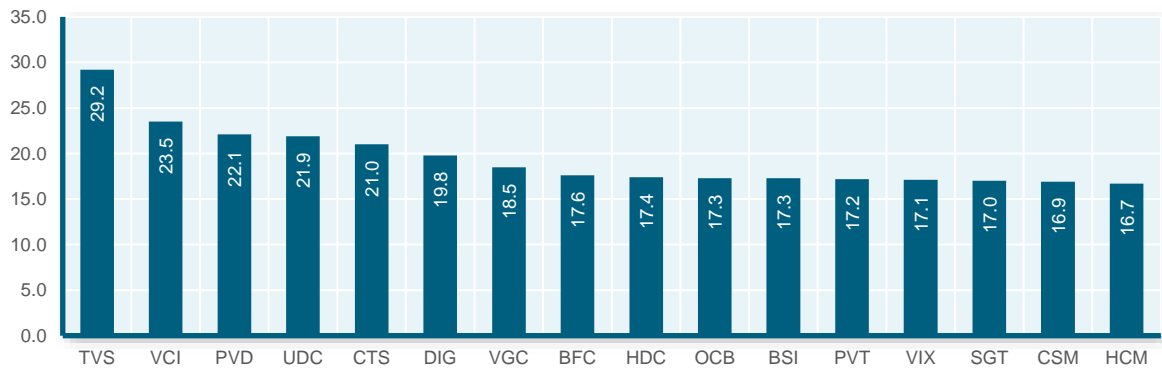


Tổng hợp kết quả kinh doanh Quý 1.2022

| Ngành | Số DN | Doanh thu Q1.2021 | Doanh thu Q1.2022 | % doanh thu | Lợi nhuận Q1.2021 | Lợi nhuận Q1.2022 | % tăng trưởng LN |
|------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|--------------|-------------------|-------------------|------------------|
| Ngân hàng | 27 | 82,357 | 98,086 | 19.1% | 41,478 | 54,098 | 30.4% |
| Bất động sản | 76 | 64,483 | 48,649 | -24.6% | 12,106 | 10,626 | -12.2% |
| Sản xuất và KD Thép | 26 | 75,320 | 108,404 | 43.9% | 8,886 | 9,967 | 12.2% |
| Dầu khí | 22 | 103,834 | 173,495 | 67.1% | 4,931 | 6,670 | 35.3% |
| Thực phẩm và đồ uống | 75 | 76,823 | 79,418 | 3.4% | 6,049 | 8,290 | 37.0% |
| Phân bón | 13 | 10,388 | 20,483 | 97.2% | 225 | 4,815 | 2036.3% |
| Điện | 44 | 27,800 | 37,424 | 34.6% | 2,576 | 5,229 | 103.0% |
| Dịch vụ tài chính | 41 | 10,490 | 14,369 | 37.0% | 3,519 | 4,829 | 37.2% |
| Vận tải - Logistics | 73 | 26,164 | 31,685 | 21.1% | 2,668 | 3,544 | 32.8% |
| Xây dựng | 112 | 37,047 | 36,371 | -1.8% | 2,009 | 3,389 | 68.7% |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 67 | 19,307 | 26,004 | 34.7% | 2,544 | 2,975 | 16.9% |
| Bất động sản KCN | 22 | 13,849 | 14,197 | 2.5% | 2,687 | 3,182 | 18.4% |
| Bán lẻ | 21 | 52,841 | 65,513 | 24.0% | 1,753 | 2,077 | 18.4% |
| Hóa chất | 26 | 14,591 | 21,636 | 48.3% | 801 | 2,024 | 152.6% |
| Vật liệu xây dựng | 42 | 12,781 | 16,063 | 25.7% | 1,183 | 1,591 | 34.5% |
| Thủy sản | 25 | 13,681 | 17,157 | 25.4% | 494 | 1,481 | 199.5% |
| Công nghệ Thông tin | 19 | 9,872 | 12,303 | 24.6% | 949 | 1,470 | 54.8% |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 28 | 15,608 | 19,565 | 25.3% | 1,041 | 1,412 | 35.6% |
| Bảo hiểm | 12 | 15,510 | 17,666 | 13.9% | 1,230 | 1,341 | 9.0% |
| Dệt May | 20 | 12,831 | 17,085 | 33.2% | 583 | 896 | 53.9% |
| Y tế | 36 | 11,626 | 10,544 | -9.3% | 647 | 778 | 20.3% |
| Nước | 49 | 5,133 | 5,419 | 5.6% | 729 | 647 | -11.4% |
| Tài nguyên Cơ bản | 20 | 7,246 | 8,491 | 17.2% | 481 | 490 | 1.9% |
| Du lịch và Giải trí | 31 | 7,775 | 8,683 | 11.7% | 67 | 335 | 396.8% |
| Khoáng sản | 27 | 14,113 | 20,047 | 42.0% | (70) | 373 | -632.1% |
| Ô tô và phụ tùng | 11 | 9,478 | 11,218 | 18.4% | 289 | 318 | 9.8% |
| Truyền thông | 28 | 1,456 | 1,408 | -3.4% | 201 | 195 | -3.0% |
| Cao su | 13 | 1,154 | 1,211 | 5.0% | 175 | 161 | -7.6% |
| Bao bì | 16 | 5,719 | 8,100 | 41.6% | 125 | 128 | 2.0% |
| Xây dựng và Vật liệu | 58 | 6,581 | 6,018 | -8.6% | (25) | 74 | -401.9% |
| Phân phối xăng dầu & khí đốt | 5 | 1,796 | 2,599 | 44.7% | 29 | 28 | -2.0% |
| Tổng | 1085 | 767,657 | 959,309 | 25.0% | 100,363 | 133,432 | 32.9% |



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

| Mã CK | Sàn | Giá đóng cửa | % so với đầu năm | KLGD | P/E | P/B | KL NN Mua | KL NN Bán | EPS | Book Value |
|-------|-------|--------------|------------------|-------------------|--------------|-------------|------------------|------------------|--------------|---------------|
| ACB | HOSE | 29.1 | -15.6% | 1,936,000 | 7.2 | 1.6 | - | - | 4,022 | 17,840 |
| BID | HOSE | 34.5 | -7.8% | 1,128,100 | 13.2 | 2.0 | 545,700 | 39,800 | 2,615 | 17,066 |
| CTG | HOSE | 25.9 | -25.6% | 5,051,800 | 9.5 | 1.3 | 129,200 | 315,700 | 2,739 | 20,454 |
| EIB | HOSE | 30.9 | -8.8% | 102,900 | 26.4 | 2.1 | 6,300 | 3,000 | 1,172 | 15,006 |
| HDB | HOSE | 24.4 | -21.7% | 2,321,500 | 6.9 | 1.5 | 1,271,800 | 383,800 | 3,506 | 16,306 |
| LPB | HOSE | 14.6 | -28.1% | 3,227,100 | 5.0 | 1.0 | 10,400 | 122,400 | 2,933 | 14,712 |
| MBB | HOSE | 27.0 | -7.2% | 5,044,800 | 6.9 | 1.5 | 501,000 | 500,000 | 3,933 | 17,750 |
| MSB | HOSE | 19.4 | -31.7% | 1,030,200 | 6.0 | 1.3 | - | - | 3,231 | 15,132 |
| OCB | HOSE | 20.3 | -27.5% | 1,714,800 | 6.3 | 1.2 | 360,000 | 103,900 | 3,206 | 16,404 |
| SHB | HOSE | 14.8 | -34.4% | 12,657,800 | 5.1 | 1.0 | 1,648,500 | 266,600 | 2,913 | 14,181 |
| SSB | HOSE | 34.9 | -17.8% | 2,006,500 | 15.1 | 2.6 | 450,000 | - | 2,304 | 13,611 |
| STB | HOSE | 21.6 | -32.7% | 14,328,800 | 11.6 | 1.2 | 397,900 | 1,791,100 | 1,856 | 18,174 |
| TCB | HOSE | 35.7 | -29.9% | 5,443,200 | 6.5 | 1.3 | 50,000 | 50,000 | 5,458 | 28,080 |
| TPB | HOSE | 31.4 | -26.6% | 2,095,800 | 7.7 | 1.8 | 107,700 | 116,200 | 4,079 | 17,310 |
| VCB | HOSE | 75.3 | -4.7% | 661,800 | 12.7 | 2.6 | 195,700 | 286,700 | 5,910 | 29,421 |
| VIB | HOSE | 25.9 | -45.8% | 967,000 | 5.6 | 1.5 | - | - | 4,651 | 16,748 |
| VPB | HOSE | 30.6 | -15.0% | 7,415,500 | 6.0 | 1.4 | 40,000 | 40,000 | 5,135 | 21,416 |
| BAB | HNX | 19.2 | -15.8% | 13,200 | 18.8 | 1.6 | - | - | 1,021 | 12,279 |
| NVB | HNX | 34.5 | -4.5% | 33,900 | - | 4.5 | 12,800 | -400 | 3 | 7,695 |
| VBB | UPCOM | 11.6 | -39.3% | 20,000 | 10.9 | 1.0 | - | - | 1,068 | 12,202 |
| VAB | UPCOM | 10.6 | -28.4% | 213,300 | 5.6 | 0.9 | 300 | - | 1,902 | 12,443 |
| SGB | UPCOM | 14.4 | -22.6% | 14,900 | - | 1.2 | - | - | 540 | 12,368 |
| PGB | UPCOM | 22.9 | -31.8% | 90,100 | 23.0 | 1.6 | - | - | 997 | 14,272 |
| NAB | UPCOM | 15.1 | -23.7% | 40,900 | - | - | - | - | 3,247 | 17,329 |
| KLB | UPCOM | 28.3 | 11.0% | 7,500 | 27.4 | 2.1 | 100 | - | 1,031 | 13,236 |
| BVB | UPCOM | 14.4 | -37.4% | 878,900 | 19.9 | 1.1 | - | 50,000 | 725 | 13,020 |
| ABB | UPCOM | 11.7 | -28.7% | 1,366,900 | 4.7 | 0.9 | - | 18,700 | 2,491 | 12,860 |
| | | | | 69,813,200 | 11.16 | 1.60 | 5,727,400 | 4,088,300 | 2,692 | 16,197 |



Lịch trả cổ tức:

| STT | Mã CK | Sàn | Ngày GDKHQ ▼ | Ngày ĐKCC | Ngày thực hiện | Nội dung sự kiện | Loại Sự kiện |
|-----|-------|-------|--------------|------------|----------------|---|--------------------------|
| 1 | CPC | HNX | 15/06/2022 | 16/06/2022 | 7/7/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,800 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 2 | VIM | UPCoM | 15/06/2022 | 16/06/2022 | 28/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 3 | EVE | HOSE | 7/6/2022 | 8/6/2022 | 17/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 4 | SVI | HOSE | 7/6/2022 | 8/6/2022 | 22/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,800 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 5 | SAV | HOSE | 2/6/2022 | 3/6/2022 | 10/6/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 6 | SAV | HOSE | 2/6/2022 | 3/6/2022 | | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15 | Thưởng cổ phiếu |
| 7 | DHP | HNX | 2/6/2022 | 3/6/2022 | 22/06/2022 | Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 8 | DRC | HOSE | 1/6/2022 | 2/6/2022 | 16/06/2021 | Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 9 | HAC | UPCoM | 1/6/2022 | 2/6/2022 | 22/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 10 | PLC | HNX | 1/6/2022 | 2/6/2022 | 17/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 11 | VTO | HOSE | 1/6/2022 | 2/6/2022 | 22/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 12 | TC6 | HNX | 1/6/2022 | 2/6/2022 | 22/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 450 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 13 | RAL | HOSE | 31/05/2022 | 1/6/2022 | 10/6/2022 | Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 14 | TDN | HNX | 31/05/2022 | 1/6/2022 | 14/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 15 | VHL | HNX | 30/05/2022 | 31/05/2022 | 6/7/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,750 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 16 | MKP | UPCoM | 30/05/2022 | 31/05/2022 | 10/6/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 17 | UIC | HOSE | 30/05/2022 | 31/05/2022 | 10/6/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 18 | VSH | HOSE | 30/05/2022 | 31/05/2022 | 30/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 19 | BMI | HOSE | 30/05/2022 | 31/05/2022 | 30/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 20 | TNP | UPCoM | 30/05/2022 | 31/05/2022 | 17/06/2022 | Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,700 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 21 | GVT | UPCoM | 30/05/2022 | 31/05/2022 | 30/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,900 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 22 | TDB | UPCoM | 30/05/2022 | 31/05/2022 | 28/06/2022 | Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 23 | CTW | UPCoM | 30/05/2022 | 31/05/2022 | 25/10/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 630 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 24 | SIV | UPCoM | 30/05/2022 | 31/05/2022 | 15/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 25 | VPW | UPCoM | 27/05/2022 | 30/05/2022 | 20/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 255.41 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 26 | DVW | UPCoM | 27/05/2022 | 30/05/2022 | 30/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 27 | GMA | HNX | 27/05/2022 | 30/05/2022 | | Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 28 | PBT | UPCoM | 27/05/2022 | 30/05/2022 | 20/06/2022 | Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 687 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOẢN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931